

ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Lê Công Hợp¹, Lê Văn Trường²

TÓM TẮT

Dựa vào bản chất, đặc điểm của quá trình đô thị hóa; chức năng, vai trò của đô thị cùng các văn bản pháp quy của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đô thị, các tác giả đã đề xuất được 20 tiêu chí để đánh giá quá trình đô thị hóa và vận dụng để đánh giá quá trình đô thị hóa ở thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2000 - 2020 trên 3 khía cạnh về trình độ, tốc độ và thay đổi không gian. Qua đánh giá cho thấy trình độ đô thị hóa của thị xã Bỉm Sơn đạt mức thấp trong giai đoạn 2000 - 2010 và mức trung bình trong giai đoạn 2010 - 2020; tốc độ đô thị hóa đạt mức rất thấp trong giai đoạn 2000 - 2010 và mức thấp trong giai đoạn 2010 - 2020. Trong 20 năm qua, hướng phát triển không gian đô thị Bỉm Sơn khá nhanh về phía nam và tây nam, các hướng còn lại rất chậm. Các tác giả đã đề xuất một số giải pháp nâng cao tốc độ, trình độ và thay đổi không gian đô thị hóa ở thị xã Bỉm Sơn đến năm 2030 để Bỉm Sơn thực sự là một cực tăng trưởng phía Đông Bắc của tỉnh Thanh Hóa.

Từ khóa: Đánh giá, chỉ tiêu, đô thị hóa, thị xã Bỉm Sơn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đô thị hóa đã, đang và diễn ra rất mạnh trên toàn cầu, mỗi quốc gia và từng lãnh thổ. Các đánh giá quá trình đô thị hóa thường sử dụng các chỉ số về dân số [5] [10] [11]... Tuy nhiên đô thị hóa không chỉ đơn giản là một quá trình dân số mà là một phức hệ không gian - thời gian tổng hợp của các quá trình tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa... Việc đánh giá khách quan, chính xác quá trình đô thị hóa rất phức tạp và đương nhiên phải sử dụng rất nhiều chỉ số. Tiếp sau các nghiên cứu của Ngân hàng thế giới năm 2011 [14], Phạm Đỗ Văn Trung và Huỳnh Phẩm Dũng Phát năm 2012 [5] và Bộ Xây dựng năm 2014 [1], chúng tôi đề xuất hệ thống tiêu chí để đánh giá quá trình đô thị hóa trên 3 phương diện là tốc độ, trình độ và hướng phát triển không gian. Đồng thời chúng tôi vận dụng các tiêu chí này để đánh giá quá trình đô thị hóa ở thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở để đề xuất tiêu chí

Bộ tiêu chí do chúng tôi đề xuất dựa vào những cơ sở sau đây:

Bản chất của quá trình đô thị hóa

¹ Học viên cao học K12 chuyên ngành Địa lý học, khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

² Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: levantruong@hdu.edu.vn

Năm 2005, Đàm Trung Phường quan niệm: “Đô thị hóa là một quá trình diễn thế về kinh tế - xã hội - văn hóa - không gian gắn liền với những tiến bộ khoa học kỹ thuật, trong đó diễn ra sự phát triển nghề nghiệp mới, sự chuyển dịch cơ cấu lao động, sự phát triển đời sống văn hóa, sự chuyển đổi lối sống và sự mở rộng phát triển không gian thành hệ thống đô thị, song song với tổ chức bộ máy hành chính, quân sự” [3].

Dưới góc độ địa lí, trong giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội đại cương (2005), Lê Văn Trường đã tổng hợp thành 2 quan niệm khác nhau về đô thị hóa:

Theo nghĩa rộng: đô thị hoá là một quá trình lịch sử nâng cao vai trò của đô thị trong quá trình vận động của xã hội. Quá trình này bao gồm những thay đổi trong phân bố lực lượng sản xuất, trước hết là phân bố dân cư, thay đổi trong cơ cấu lao động - nghề nghiệp, trong cơ cấu dân số, văn hoá và lối sống, trong tổ chức không gian sống và không gian hoạt động của cộng đồng. Đô thị hoá là quá trình kinh tế - xã hội, nhân khẩu và địa lí đa dạng dựa trên cơ sở các hình thức phân công lao động xã hội và phân công lao động theo lãnh thổ đã hình thành trong lịch sử.

Theo nghĩa hẹp: Đô thị hoá là sự phát triển hệ thống thành phố, nâng cao vai trò của nó trong đời sống kinh tế - xã hội, tăng dần tỉ trọng dân số đô thị trong từng vùng, từng quốc gia và trên toàn thế giới. Đó cũng là quá trình tập trung dân cư vào các thành phố lớn, cực lớn và sự phổ biến rộng rãi của lối sống thành thị trong toàn bộ mạng lưới các điểm dân cư [6].

Bách khoa toàn thư quốc tế về địa lý nhân văn “Đô thị hóa liên quan đến một tập hợp phức tạp của các quá trình kinh tế, nhân khẩu học, xã hội, văn hóa, công nghệ và môi trường dẫn đến sự gia tăng tỷ lệ dân số của một vùng lãnh thổ sống ở các thị trấn và thành phố, sự tập trung dân số trong các khu định cư lớn hơn của lãnh thổ và mật độ dân số ngày càng tăng trong các khu định cư đô thị. Ở quy mô quốc tế, mức độ đô thị hóa tương quan chặt chẽ với mức độ phát triển kinh tế, trong khi tốc độ đô thị hóa tương quan nghịch với mức độ phát triển kinh tế. Các quá trình nhân khẩu học về nhập cư và di cư, cũng như gia tăng dân số tự nhiên, là những yếu tố quan trọng quyết định đến quá trình đô thị hóa, nhưng những quá trình này lại được củng cố bởi các quá trình khác, đặc biệt là thay đổi cơ cấu kinh tế. Cụ thể, các mô hình đô thị hóa là kết quả của sự tương tác của các quá trình này, bản thân chúng chịu ảnh hưởng của các tác động phản hồi xuất phát từ các thuộc tính thay đổi của hệ thống đô thị, hệ sinh thái đô thị và kinh tế chính trị đô thị” [10].

UN, Department of Economic and Social Affairs (2019) cho rằng: Đô thị hóa là một quá trình kinh tế - xã hội phức tạp làm biến đổi môi trường nông thôn thành các khu định cư đô thị, đồng thời chuyển sự phân bố dân cư theo không gian từ nông thôn ra thành thị. Nó bao gồm những thay đổi về chính nghề nghiệp, lối sống, văn hóa và hành vi, do đó làm thay đổi cấu trúc nhân khẩu học và xã hội của cả khu vực thành thị và nông thôn. Hệ quả chính của quá trình đô thị hóa là sự gia tăng về số lượng, diện tích đất và quy mô dân số của các khu định cư đô thị cũng như số lượng và tỷ lệ cư dân thành thị so với cư dân nông thôn [11; tr.10].

Kwesi Atta Sakyi (2021) cho rằng: Đô thị hóa là quá trình mà các thị trấn và làng mạc phát triển để đạt đến thứ hạng của các thành phố về quy mô dân số, quy mô diện tích và mức độ phức tạp của các chức năng được thực hiện đối với các khu vực ngoại thành và dân cư của họ [9; tr.35].

Chức năng của đô thị

Các đô thị đều có các chức năng phi nông nghiệp. Chi tiết hơn, Arthur Getis và nnk (1996) cho rằng đô thị có 14 chức năng sau đây: 1 - Bán lẻ hàng hoá và dịch vụ, 2 - Bán buôn, bán sỉ hàng hoá và dịch vụ, 3 - Sản xuất công nghiệp, 4 - Dịch vụ kinh doanh, 5 - Giải trí, 6 - Quản lý hành chính, 7 - Phòng thủ, 8 - Dịch vụ xã hội, tôn giáo tín ngưỡng, 9 - Giáo dục và đào tạo, 10 - Dịch vụ giao thông và thông tin, 11 - Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các cuộc gặp gỡ, 12 - Vui chơi, 13 - Dịch vụ tham quan và 14 - Cư trú [8; tr.426 - 427].

Vai trò của đô thị trong phát triển và các văn bản pháp quy của Việt Nam

Năm 1960, nhà địa lý học người Nga nổi tiếng N.N Banranxki đã viết “Thành phố là trung tâm chỉ huy của một vùng”. UN-Habitat (2005) quan niệm: Cho dù định nghĩa các khu vực đô thị là thế nào hay quyết định mức độ đô thị của các khu vực đó thế nào, có một điều rất rõ ràng: thành phố là nơi tăng trưởng diễn ra, và là nơi tương lai tìm đến [12].

Quyết định số 132 - HĐBT ngày 05/05/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), nhấn mạnh đến chức năng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đô thị đối với các vùng liên đới. Tại Khoản 1, Điều 1 của quyết định trên đã ghi: Đô thị “Là trung tâm tổng hợp hay trung tâm chuyên ngành có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng lãnh thổ nhất định”. Đầu năm 1991, Chỉ thị số 19/CT ngày 22/01/1991 bổ sung về việc chấn chỉnh công tác quản lý đô thị được ban hành, khẳng định “vị trí chiến lược và vai trò quan trọng của các đô thị đối với toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước” (dẫn từ [1]).

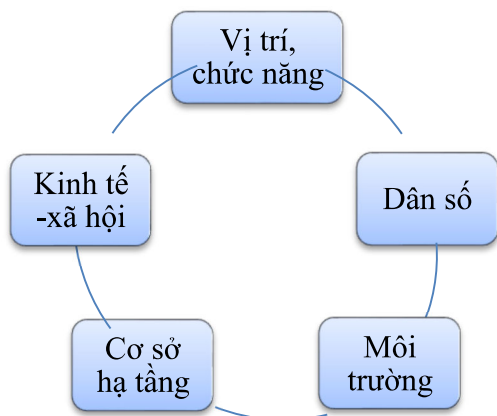
Năm 2016, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị [6]. Đây là căn cứ quan trọng để tiến hành đánh giá, phân loại đô thị và nghiên cứu về quá trình đô thị hóa.

Đại hội Đảng lần thứ XIII đề ra nhiệm vụ phát triển đô thị trong giai đoạn 2021 - 2025 là: Xây dựng chiến lược, hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị làm động lực phát triển từng vùng và địa phương; tăng cường quản lý đô thị, phát triển các đô thị vệ tinh, hạn chế xu hướng tập trung quá mức vào các đô thị lớn. Xây dựng đô thị hiện đại, văn minh, đô thị thông minh, đa dạng về loại hình, có bản sắc đặc trưng về kiến trúc, văn hóa ở từng địa phương [2]. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của Đảng ta chủ trương “Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị” [2].

2.2. Nguyên tắc đề xuất bộ tiêu chí

Phản ánh toàn diện tất cả các khía cạnh của đô thị: vị trí - chức năng, kinh tế, xã hội, dân số, cơ sở hạ tầng, môi trường.

Phản ánh được quá trình vận động và phát triển không ngừng của đô thị hóa từ điểm dân cư nông thôn đến điểm dân cư đô thị các cấp khác nhau và đến đô thị cấp cao nhất. Quốc hội đã phân cấp các điểm dân cư đô thị thành 6 loại, từ đô thị loại V (cấp thấp nhất) đến đô thị loại đặc biệt (cấp cao nhất) [5]. Đây là cơ sở để phân bậc phát triển và tính điểm. Chúng tôi chia quá trình vận động từ đô thị cấp thấp nhất đến đô thị cấp cao nhất thành 18 bậc (mỗi loại đô thị có 3 bậc tương ứng với giai đoạn hình thành, trưởng thành và phát triển nhanh để chuẩn bị bước sang cấp đô thị cao hơn).



Hình 1. Các nhóm chỉ tiêu đánh giá đô thị hóa

2.3. Phương pháp đánh giá

Trên cơ sở các nguyên tắc trên đây chúng tôi chọn 20 chỉ số để đánh giá quá trình đô thị hóa. Mỗi chỉ số phân thành 18 bậc. Mỗi bậc được tính là 1 điểm (chưa nhân trọng số).

Giá trị mỗi bậc tính theo công thức: $V = \frac{(\text{Giá trị tối đa} - \text{Giá trị tối thiểu})}{17}$

Vai trò của các yếu tố của quá trình đô thị hóa khác nhau, nên có trọng số khác nhau. Vị trí, chức năng của đô thị phản ánh vai trò là trung tâm chỉ huy của một lãnh thổ nên có trọng số là 2. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội phản ánh chất lượng, nội dung đô thị hóa, giúp quá trình nhận diện đô thị hóa chân thực hơn, tránh hiện tượng “đô thị hóa giả tạo” hay “đô thị hóa - hành chính”. Vì vậy, nhóm chỉ tiêu này được xác định trọng số 2, riêng thu nhập tính trên đầu người có trọng số là 4. Đô thị hóa phải gắn liền với nội dung gia tăng dân số đô thị. Vì vậy, đây là nhóm chỉ tiêu tiên quyết, có trọng số cao nhất (3 và 4). Cơ sở hạ tầng đô thị phản ánh “bộ mặt” đô thị hóa. Cơ sở hạ tầng đô thị bao gồm cơ sở hạ tầng xã hội và cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Các chỉ tiêu về môi trường phản ánh xu thế phát triển đô thị xanh được chọn là 3 tiêu chí.

Điểm của mỗi bậc là tổng điểm của 20 chỉ số (sau khi đã nhân với trọng số). Cụ thể là bậc 1 (tối đa 39), bậc 2 (39,1 - 78), bậc 3 (78,1 - 117), bậc 4 (117,1 - 156), bậc 5 (156,1 - 195), bậc 6 (195,1 - 234), bậc 7 (234,1 - 273), bậc 8 (273,1 - 312), bậc 9 (312,1 - 352), bậc 10 (352,1 - 390), bậc 11 (390,1 - 428), bậc 12 (428,1 - 468), bậc 13 (468,1 - 507) bậc 14 (507,1 - 546), bậc 15 (546,1 - 585), bậc 16 (585,1 - 624), bậc 17 (624,1 - 663) bậc 18 (663,1 - 702).

Điểm (P) của mỗi chỉ số được tính bằng công thức: $P = \frac{V_t - V_{\min}}{(V_a)} w$

Trong đó: V_t : giá trị đạt được của năm nào đó (t),
 V_{\min} : giá trị tối thiểu cần phải đạt được của chỉ tiêu
 V_i : giá trị của mỗi bậc của chỉ số đó
 w : trọng số (có giá trị từ 1 - 4)

Mức độ (trình độ) đô thị hóa được đánh giá như sau: Điểm đạt từ 39 - 117 là rất thấp; 117,1 - 234 là thấp; 234,1 - 352 là trung bình; 352,1 - 468 là khá; 468,1 - 585 là cao và 585,1 - 702 là rất cao.

Phản ánh được hai phương diện của quá trình đô thị hóa là đô thị hóa theo bề rộng và đô thị hóa theo bề sâu.

Có thể dùng để đánh giá mức độ đô thị hóa (Degree of Urbanisation) và tốc độ đô thị hóa (Speed of Urbanisation). Mức độ đô thị hóa là tổng điểm đạt được trong một thời điểm nào đó của một lãnh thổ được coi là đô thị. Tốc độ đô thị hóa là tỷ lệ (%) tăng tổng điểm đánh giá theo thời gian của lãnh thổ được coi là đô thị.

Có thể sử dụng để đánh giá quá trình đô thị hóa ở mọi cấp lãnh thổ và quá trình đô thị hóa của một đô thị cụ thể.

Tốc độ đô thị hóa được tính bằng công thức: $R = \frac{(U_t - U_i)}{(t-i)}$

Trong đó: U_t là giá trị đạt được (điểm) năm t ,
 U_i là giá trị đạt được (điểm) năm i ($i < t$).

Khi $R \leq 4$: quá trình đô thị hóa rất chậm, $4 < R \leq 8$: quá trình đô thị hóa chậm; $8 < R \leq 12$: quá trình đô thị hóa trung bình; $12 < R \leq 16$ quá trình đô thị hóa nhanh, $R \geq 16$ rất nhanh.

Kết quả lựa chọn 20 chỉ tiêu để đánh giá đánh giá quá trình đô thị hóa ở thị xã Bim Sơn được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Các chỉ tiêu đánh giá quá trình đô thị hóa

TT	Chỉ tiêu	Giá trị tối thiểu	Giá trị tối đa	Giá trị mỗi bậc	Trọng số	Tổng điểm	
						Tối thiểu	Tối đa
<i>A</i>	<i>Vị trí - chức năng</i>				2	2	36
1	TT tiêu vùng huyện, TT huyện, TT vùng liên huyện, TT tỉnh, TT vùng, TT quốc gia và quốc tế	TT tiêu vùng huyện	TT quốc gia và quốc tế		2	2	36
<i>B</i>	<i>Nhóm kinh tế - xã hội</i>					14	252
2	Tổng thu ngân sách trên địa bàn (Tỷ đồng)	10	≥ 15.000	822,3	2	2	36
3	Tỷ lệ GRDP phi NN/tổng GRDP (%)	65	99	2,000	2	2	36
4	Tốc độ tăng trưởng GRDP trung bình năm (%)	5	14	0,529	2	2	36
5	Thu nhập bình quân đầu người (USD/người)	2.000	8.000	352,9	4	4	72
6	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	10	1	- 0,47	2	2	36
7	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	65	95	1,647	2	2	36
<i>C</i>	<i>Nhóm dân số</i>					14	252
8	Quy mô dân số (1.000 người)	4	≥ 3.000	176,2	4	4	72
9	Mật độ dân số (người/km ²)	1000	≥ 3.500	138,8	4	4	72
10	Tỷ lệ dân thành thị (%)	60	≥ 90	1,764	3	3	54
11	Tốc độ tăng dân số hàng năm (%)	0,8	$\geq 2,0$	0,070	3	3	54
<i>D</i>	<i>Nhóm cơ sở hạ tầng</i>					6	108
12	Diện tích sàn nhà ở bình quân (m ² /người)	26	$\geq 30,0$	0,235	1	1	18

13	Tỷ lệ nhà ở kiên cố so với tổng quỹ nhà (%)	85	100	0,882	1	1	18
14	Đất công trình phục vụ công cộng (m ² /người)	3	≥ 7	0,235	1	1	18
15	Tỷ lệ đất giao thông nội thị so với đất xây dựng đô thị (%)	11	≥ 26	0,882	1	1	18
16	Mật độ đường chính rải nhựa (km/km ²)	2	≥ 8	0,353	1	1	18
17	Tỷ lệ đường giao thông được chiếu sáng (%)	60	≥ 100	2,353	1	1	18
<i>E</i>	<i>Nhóm môi trường</i>					3	54
18	Đất cây xanh toàn đô thị (m ² /người)	5	15	0,588	1	1	18
19	Tỉ lệ nước thải được xử lí (%)	10	≥ 60	2,941	1	1	18
20	Tỷ lệ rác và các chất thải rắn được xử lí (%)	60	≥ 90	1,764	1	1	18
	<i>Tổng</i>					39	702

2.4. Áp dụng bộ tiêu chí để đánh giá quá trình đô thị hóa thị xã Bim Sơn

Thị trấn Bim Sơn được thành lập ngày 26/6/1977 và nâng cấp thành thị xã Bim Sơn vào ngày 18/12/1981. Trải qua hơn 30 năm xây dựng và phát triển, thị xã Bim Sơn từng bước trở thành một đô thị trung tâm của vùng kinh tế động lực phía Đông Bắc của tỉnh Thanh Hóa. Ngày 29/5/2015, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 601/QĐ-BXD công nhận thị xã Bim Sơn là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Thanh Hóa. Mặc dù vậy, sự phát triển đô thị Bim Sơn cũng đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao, cơ cấu kinh tế đô thị chưa hợp lí, cơ sở hạ tầng đô thị chưa hoàn thiện, tình trạng thiếu chỗ ở, thiếu việc làm vẫn luôn xảy ra, môi trường sinh thái bị phá hủy, phúc lợi xã hội chưa đáp ứng đủ,...

Kết quả đánh giá quá trình đô thị hóa ở thị xã Bim Sơn trong 20 năm qua (2000 - 2020) thông qua 20 chỉ tiêu được thể hiện ở bảng 2.

Sau 20 năm, các chỉ số phản ánh quá trình đô thị hóa ở thị xã Bim Sơn thay đổi chậm. Đến năm 2020, nhóm các chỉ tiêu về chức năng và dân số mức thấp nhất lần lượt là 22,2% (8/36 điểm) và 23% (58,12/252 điểm), rồi đến nhóm kinh tế - xã hội đạt 51,49% (129,76/252 điểm), nhóm chỉ số về cơ sở vật chất đạt 69% (74,53/108 điểm) và nhóm chỉ số về môi trường đạt 73,7% (39,8/54 điểm). Điều này cho thấy trong những năm tới, thị xã Bim Sơn cần tập trung hơn nữa vào việc cải thiện các chỉ tiêu thuộc nhóm kinh tế - xã hội và dân số.

Bảng 2. Kết quả đánh giá quá trình đô thị hóa thị xã Bim Sơn giai đoạn 2000 - 2020

TT	Chỉ tiêu	Năm 2000		Năm 2005		Năm 2010		Năm 2015		Năm 2020	
		Giá trị	điểm	Giá trị	điểm	Giá trị	điểm	Giá trị	điểm	Giá trị	điểm
A	<i>Vị trí, chức năng</i>		4		5		6		8		8
1		TTH	4	TTH	5	TTTV	6	TTTV	8	TTTV	8
B	<i>Nhóm chỉ tiêu KT-XH</i>		83,5		86,0		108,4		112,04		129,76
2	Tổng thu ngân sách trên địa bàn (Tỷ đồng)	53	2	89	2	134	2	263	2	236	2
3	Tỷ trọng GTSX của SX phi NN so với GTSX TX (%)	93.8	28,8	95.3	30,3	97.0	32,0	98.0	33,0	99.0	34
4	Tốc độ tăng giá trị sản xuất (GO) theo giá so sánh (%)	14.5	34	13.6	32,5	12.8	29,4	11.2	23,44	12.5	28,3
5	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng) và USD	560	1	826	1,6	1.122	2,24	1.773	3,5	2630	5,26
6	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	11.30	0	9.50	2,2	4.20	24	3.19	29	0.81	36
7	Tỷ trọng (%) lao động phi NN trong tổng lao động	79.10	17,7	80.10	18,3	81.20	18,4	83.20	22,1	84.94	24,2
C	<i>Nhóm chỉ tiêu dân số</i>		53,98		55,68		58,96		72,07		58,12
8	Dân số trung bình (1.000 người)	55.5	1,26	56.8	1,29	54.7	1,24	57.5	1,30	58.9	1,34
9	Mật độ dân số (người/km ²)	828	3,32	848	3,39	856	3,42	919	3,67	922	3,68
10	Tỷ lệ dân số thành thị (%)	72.39	28,4	76.56	33,9	85.93	45,8	86.08	46,1	90.78	51,3
11	Tốc độ tăng dân số hàng năm (%)	1.36	21	1.20	17,1	1.00	8,5	1.30	21,0	0.50	1,8
D	<i>Nhóm chỉ tiêu cơ sở hạ tầng</i>		34,98		42,18		47,35		51,91		74,53
13	Diện tích nhà ở bình quân/người (m ² /người)	16.8	0,64	18.6	0,71	21.6	0,83	26.3	1,27	29.6	1,5,3
14	Tỷ lệ nhà ở kiên cố so với tổng quỹ nhà (%)	95.9	12,3	96.9	13,5	97.8	14,5	98.7	15,5	99.6	15,3
14	Đất công trình công cộng (m ² /người)	10	18	12	18	19.2	18	20	18	19	18
15	Diện tích đất giao thông nội thị/dân số nội thị (m ² /người)	12	1.1	16	5,66	17,04	6,85	19	9,07	22	12,5
16	Mật độ đường chính rải nhựa (km/km ²)	0.8	0,4	1,02	0,51	1,54	0,77	2.3	0,85	3.0	2,83
17	Tỷ lệ đường giao thông được chiếu sáng (%)	66	2,54	69	3,8	75	6,4	77	7,22	85	10,6
E	<i>Nhóm chỉ tiêu môi trường</i>		38,1		38,6		38,8		39,4		39,8
18	Đất cây xanh toàn đô thị (m ² /người)	15	18	16	18	20,2	18	21	18	19	18
19	Tỉ lệ nước thải được xử lí (%)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Tỷ lệ rác và chất thải rắn được xử lý (%)	95.2	20,1	96.4	20,6	96.8	20,8	97.8	21,4	98.5	21,8
	Tổng cộng		214,56		227,46		259,51		283,42		310,1

Về trình độ đô thị hóa: Năm 2000 và 2005, điểm tổng hợp đánh giá quá trình đô thị hóa thị xã Bim Sơn đạt 214,56 điểm và 227,46 điểm. Như vậy trình độ đô thị hóa thị xã Bim Sơn đạt mức thấp. Năm 2010, 2015 và 2020 tổng điểm đạt được lần lượt là 259,51 điểm; 283,42 điểm và 310,21 điểm. Như vậy trình độ đô thị hóa của thị xã Bim Sơn đạt mức trung bình.

Về tốc độ đô thị hóa: Giai đoạn 2000 - 2005 có $R = 2,58$, giai đoạn 2005 - 2010 có $R = 6,41$, giai đoạn 2010 - 2015 có $R = 4,78$ và giai đoạn 2015 - 2020 có $R = 5,358$. Như vậy tốc độ đô thị hóa của thị xã Bim Sơn trong 20 năm qua không đều và chưa đạt tốc độ trung bình. Giai đoạn 2000 - 2005 rất chậm ($R < 4$), giai đoạn 2005 - 2020 tốc độ đô thị hóa của thị xã này tuy có tăng lên chút ít nhưng vẫn thuộc loại chậm ($4 < R \leq 8$).

Nguyên nhân chính của hiện tượng này là ngoài các cơ sở sản xuất xi măng và ô tô tải hạng nhỏ và trung bình, thì đến nay Bim Sơn chưa xuất hiện những ngành công nghiệp động lực khác.



a - TX Bim Sơn tháng 12/1985: 2,34 km²



b - TX Bim Sơn tháng 11/2011: 4,96 km²



c - TX Bim Sơn tháng 8/2015: 5,96 km²



d - TX Bim Sơn tháng 7/2020: 10,15 km²

Hình 2. Sự mở rộng không gian xây dựng (built-up) của thị xã Bim Sơn

Nguồn: Đo tính trên Google Earth

Chúng tôi tiến hành đo diện tích đã xây dựng (built - up areas) qua các năm 1985 (a), 2011 (b), 2015 (c) và 2020 (d) của thị xã Bim Sơn trên Google Earth (hình 2) và thu được kết quả sau:

Về tốc độ mở rộng diện tích xây dựng và hướng phát triển không gian

Trong 16 năm (1985 - 2011) diện tích xây dựng của thị xã chỉ tăng thêm 2,62 km². Trung bình mỗi năm chỉ tăng thêm 16,37 ha. Trong 4 năm (2011 - 2015), diện tích xây dựng tăng thêm 1,0 km², trung bình mỗi năm tăng thêm 25,0 ha. Trong 5 năm (2015 - 2020), diện tích xây dựng tăng thêm 4,19 km², trung bình mỗi năm tăng thêm 83,9 ha.

Mức độ mở rộng diện tích xây dựng (được đo bằng tỷ lệ diện tích đã xây dựng trên tổng diện tích đất phi nông nghiệp). Để so sánh chúng tôi lấy diện tích đất phi nông nghiệp của thị xã Bim Sơn năm 2020 là 2.690,6 ha. Kết quả tỷ lệ diện tích đất đã xây dựng trong tổng diện tích đất phi nông nghiệp của thị xã Bim Sơn năm 1985 là 8,69%, năm 2011 là 18,43%, năm 2015 là 22,15% và năm 2020 là 37,73%. Đây là một tốc độ tăng chậm

Phân tích và so sánh 4 bản đồ trên trang google earth theo thời gian là các năm 1985, 2011, 2015 và 2020 cho thấy giai đoạn 1985 - 2011, hướng phát triển không gian tập trung vào khu vực trung tâm và phía đông bắc. Giai đoạn 2011 - 2015, hướng phát triển tập trung vào phía bắc và khu vực trung tâm. Giai đoạn 2015 - 2020, hướng phát triển mạnh về tây và phía nam.

Như vậy, tốc độ xây dựng của thị xã Bim Sơn tuy có nâng lên trong những năm gần đây, nhưng không nhanh lắm. Chỉ số này gián tiếp phản ánh tốc độ đô thị hóa của Bim Sơn không đạt như mong đợi của chính quyền, nhân dân và yêu cầu phát triển của đô thị công nghiệp này.

2.5. Đề xuất giải pháp phát triển quá trình đô thị hóa ở thị xã Bim Sơn

Trong 20 năm (2000 - 2020), quá trình đô thị hóa ở thị xã Bim Sơn thay đổi chậm trên cả 3 phương diện trình độ, tốc độ và chuyển dịch không gian. Đến năm 2020, nhóm các chỉ tiêu về chức năng và dân số mức thấp nhất lần lượt là 22,2% (8/36 điểm) và 23% (58,12/252 điểm), rồi đến nhóm kinh tế - xã hội đạt 51,49% (129,76/252 điểm), nhóm chỉ số về cơ sở vật chất đạt 69% (74,53/108 điểm) và nhóm chỉ số về môi trường đạt 73,7% (39,8/54 điểm). Trong khi đó tỉnh Thanh Hóa xác định đến năm 2030, thị xã Bim Sơn trở thành một cực, một đô thị động lực của vùng đông bắc Thanh Hóa. Điều này đồng nghĩa với việc phải đẩy nhanh tốc độ phát triển của quá trình đô thị hóa. Vì vậy trong 10 năm tới thị xã Bim Sơn cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp.

Trước tiên, để cải thiện các chỉ tiêu kinh tế, thị xã Bim Sơn cần tập trung đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, đặc biệt là tăng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch bao gồm KCN Bim Sơn A (diện tích 163 ha) và KCN Bim Sơn B (diện tích 222ha); tỷ lệ lấp đầy chung của 2 KCN này mới chỉ 40%. Đẩy mạnh phát triển du lịch, trong đó tập trung khai thác tiềm năng về du lịch tâm linh và du lịch sinh thái vì đây là thế mạnh của Bim Sơn với 9 di tích lịch sử, văn hóa - danh thắng cấp quốc gia (đền Sòng, đền Chín Giếng, đường Thiên Lý, đèo Ba Dội, hồ Cánh Chim, động Cửa Bòng, đồi Ông, đền Cây Vải, đình Làng Gạo), 6 di tích cấp tỉnh (trong đó có 3 điểm du lịch tâm linh hấp dẫn gồm: đền Sòng Sơn, đền Chín Giếng, chùa Khánh Quang). Phát triển hệ thống thương mại dọc Quốc lộ 1A, Quốc lộ 217B.

Để cải thiện các chỉ tiêu về dân số, thị xã Bim Sơn cần đẩy nhanh tốc độ xây dựng xã Quang Trung theo tiêu chí phường để tăng tỷ lệ dân thành thị, đồng thời có chính sách thu hút lao động có tay nghề cao và dân cư đến Bim Sơn.

Để cải thiện các chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng và cơ sở kỹ thuật đô thị, thị xã Bim Sơn cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình công viên, văn hóa, thể thao, giao thông tại các phường. Đặc biệt là hai công trình giao thông nối Bim Sơn với đường ven biển ở phía đông và đường cao tốc Bắc - Nam ở phía tây.

Để cải thiện các chỉ tiêu về môi trường cần triển khai xây dựng các công trình xử lý rác thải và nước thải theo công nghệ tiên tiến trên cơ sở các quy hoạch đã được phê duyệt. Nghiên cứu tận dụng khói của các nhà máy xi măng Bim Sơn, Long Sơn và các cơ sở công nghiệp khác trên địa bàn.

Thị xã Bim Sơn cần tập trung hướng phát triển không gian đô thị về phía nam (dọc quốc lộ 1A) về phía tây (đến cao tốc Bắc - Nam) và về phía đông vì ở các hướng này quỹ đất còn lớn, mật độ dân cư thấp và nhiều công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh đang và sẽ được triển khai. Tăng cường quản lý đô thị theo tinh thần của Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa Ban hành theo quyết định số 3758/2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND thị xã Bim Sơn.

3. KẾT LUẬN

Quá trình đô thị hóa không chỉ được nghiên cứu trên khía cạnh dân cư hay cơ sở hạ tầng mà phải được tiếp cận trên khía cạnh đô thị là trung tâm chỉ huy của một lãnh thổ về mọi phương diện và cần được đánh giá bằng một phức hợp các chỉ tiêu. Theo cách tiếp cận này thì quá trình đô thị hóa của thị xã Bim Sơn trong giai đoạn 2000 - 2020 còn chậm về tốc độ và thấp về trình độ. Vì vậy cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp: thúc đẩy công nghiệp hóa, phát triển các ngành dịch vụ, về dân số và lao động, phát triển cơ sở hạ tầng và cải thiện môi trường thì mới có kỳ vọng để đô thị Bim Sơn thực sự trở thành cực phát triển phía đông bắc của tỉnh Thanh Hóa vào năm 2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ xây dựng - UN Habitat (2014), *Kỹ yếu khóa tập huấn thiết lập hệ thống chỉ tiêu theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả dụng trong lĩnh vực quản lý và phát triển đô thị*, Dự án VNM8P01.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*.
- [3] Đàm Trung Phùng (2005), *Đô thị Việt Nam*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội
- [4] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2016), *Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về Phân loại đô thị*.
- [5] Phạm Đỗ Văn Trung, Huỳnh Phẩm Dũng Phát (2012), *Xây dựng hệ thống chỉ tiêu để đánh giá quá trình đô thị hóa ở Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, Số 35. Tr.88-98.
- [6] Lê Văn Trường (2005), *Địa lý kinh tế - xã hội đại cương*, Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội.

- [7] Ủy ban nhân dân thị xã Bim Sơn, *Số liệu thống kê thị xã Bim Sơn các năm 2010 - 2021*.
- [8] Arthur Getis và nk (1996), *Intioduction to Geography*, Wm. C. Brown. Tr.426-427.
- [9] Kwesi Atta Sakyi, ZCAS University, Zambia (2021), *Intelligent Cities: A Compendious and Multidisciplinary Approach - Issues and Opportunities*, P.35.
- [10] Rob Kitchin and Nigel Thrift (2009), *International Encyclopedia of Human Geography, 1st Edition. Elsevier*.
- [11] UN, Department of Economic and Social Affairs (2019), *World Urbanization Prospects: The 2018 Revision*, New York.
- [12] UN-Habitat. UNESCAP (2005), *Nhà ở cho người nghèo ở các thành phố châu Á*.
- [13] US Dep of State Geographer (2021), *Google earth*.
- [14] WB (2011), *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam*, Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật.

ASSESSMENT OF THE URBANIZATION AT BIMSON TOWN, THANH HOA PROVINCE

Le Cong Hop, Le Van Truong

ABSTRACT

Based on the nature and characteristics of the urbanization; function, role of city and legal documents of the Socialist Republic of Vietnam on urban areas, the authors have proposed 20 criteria to evaluate the urbanization and apply to evaluate the urbanization in Bim Son town, Thanh Hoa province in the period 2000-2020 on 3 aspects of level, speed and spatial change. The assessment shows that the urbanization level of Bim Son town is low in the period 2000-2010 and the average level in the period 2010-2020; urbanization speed reached a very low level in the period 2000-2010 and a low level in the period 2010-2020. In the past 20 years, Bim Son urban space development has been quite fast to the south and southwest, the remaining directions are very slow. The authors have proposed a number of solutions to improve the speed, level and change the space in Bim Son town by 2030 so that Bim Son is really a growth pole in the northeast of Thanh Hoa province.

Keywords: *Assessment, indicators, urbanization, Bim Son town.*

* Ngày nộp bài: 28/9/2021; Ngày gửi phản biện: 7/10/2021; Ngày duyệt đăng: 12/4/2022